

Bản án số: 55/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 20-8-2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Hùng

2. Ông Phạm Hoàng Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2024/QĐ-TA ngày 25/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Diệp T, sinh năm 2000; địa chỉ: Khóm G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau; có đơn xin vắng mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng T1, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp Đ, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Diệp T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T1 trên cơ sở tự nguyện yêu thương nhau có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chung sống đầm ấm được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi, bất hòa, nay xét thấy vợ chồng không thể hàn gắn được với nhau, cuộc sống không hòa hợp, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thiên P, sinh

ngày 23/10/2019, giới tính nam, chi **T** yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh **Nguyễn Hoàng T1** vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Diệp T** đối với anh **Nguyễn Hoàng T1**. Về con chung: Giao chung tên **Nguyễn Thiên P**, sinh ngày 23/10/2019, giới tính nam cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **T1** không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh **T1** có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị **Diệp T** đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét vắng mặt chị **T**.

Bị đơn anh **Nguyễn Hoàng T1** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh **T1**.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Chị **T** yêu cầu xin ly hôn, nuôi con với anh **T1** nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị **T** và anh **T1** trên cơ sở yêu thương nhau tự nguyện kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn kéo dài và không còn tình cảm, hiện anh chị đã sống ly thân. Về mâu thuẫn giữa anh chị được chính quyền địa phương xác nhận là có thật, anh chị thường xuyên mâu thuẫn cự cãi, bất hòa, bất đồng với nhau về quan điểm sống. Xét thấy, anh chị hiện nay đã ly thân không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Diệp T** đối với anh **Nguyễn Hoàng T1**.

[4] *Về quan hệ con chung:* Chị **T** và anh **T1** có 01 người con chung tên **Nguyễn Thiên P**, sinh ngày 23/10/2019, giới tính nam. Qua xác minh, hiện cháu **P** đang sống cùng chị **T**, cuộc sống được đảm bảo. Vì vậy, xét về lợi ích mọi mặt và để đảm bảo cuộc sống cho cháu **P** nên căn cứ Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và

gia đình nên giao cháu **P** cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **T1** không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh **T1** có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[6] *Về án phí xin ly hôn*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị **Diệp T** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002194 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 19, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Diệp T** được ly hôn với anh **Nguyễn Hoàng T1**.

2- Về quan hệ con chung: Giao con chung tên **Nguyễn Thiên P**, sinh ngày 23/10/2019, giới tính nam cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng (cháu **P** hiện đang sống cùng chị **T**, cuộc sống được bảo đảm), anh **T1** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh **T1** có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4- Về án phí sơ thẩm: Chị **Diệp T** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002194 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND thị trấn Thới Bình (Nơi ĐKKH);
- UBND xã Vĩnh Bình Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương

